

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**

---

*Tháng 02 năm 2024*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/06/2023
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Thâm Hồng Sơn	Thành viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban	
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/06/2023

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc

#### **Trưởng phòng tài chính kế toán**

Bà Phan Thị Liên	Miễn nhiệm ngày 17/11/2023
Ông Đỗ Vũ Linh	Bỏ nhiệm ngày 17/11/2023

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



**Phạm Văn Toàn**

**Tổng Giám đốc**

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Số: 64/2024/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 33.2 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo, tại thời điểm 31/12/2023, trên bảng Cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 4.700.336.164 đồng, đồng thời lỗ lũy kế âm 404.457.379.048 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 25.403.642.952 đồng (tại ngày 01/01/2023, Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 1.935.550.258 đồng, lỗ lũy kế âm 402.772.919.052 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 23.719.182.956 đồng), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 5.314.915.489 đồng. Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) với số tiền là 473.212.674.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường, do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 06/03/2023 cùng vấn đề cần nhấn mạnh về chỉ tiêu Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn, Vốn chủ sở hữu âm và khoản nợ phải thu đang chờ xử lý.



*BW*

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024

**Bùi Đức Nam**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2020-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.265.906.380</b>	<b>12.771.399.361</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>683.611.616</b>	<b>5.436.148.958</b>
Tiền	111		683.611.616	1.393.692.429
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.042.456.529
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.182.109.468</b>	<b>5.635.597.079</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.015.124.689	5.302.890.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		66.445.849	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.255.302.167	2.614.469.663
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.154.763.237)	(2.281.763.237)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.072.436.464</b>	<b>1.253.192.366</b>
Hàng tồn kho	141	10	1.072.436.464	1.253.192.366
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>327.748.832</b>	<b>446.460.958</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	207.486.790	417.443.358
Thuế GTGT được khấu trừ	152		120.262.042	29.017.600
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.154.028.318</b>	<b>33.734.651.184</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>8</b>	<b>3.680.400.000</b>	<b>3.680.400.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.680.400.000	3.680.400.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.198.696.436</b>	<b>1.837.488.476</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.045.750.784	1.659.740.816
- Nguyên giá	222		14.847.479.703	18.841.646.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.801.728.919)	(17.181.905.407)
Tài sản cố định vô hình	227	12	152.945.652	177.747.660
- Nguyên giá	228		269.996.000	269.996.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(117.050.348)	(92.248.340)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>27.129.421.023</b>	<b>27.904.547.331</b>
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.301.515.765)	(8.526.389.457)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>145.510.859</b>	<b>312.215.377</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	145.510.859	312.215.377
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>43.419.934.698</b>	<b>46.506.050.545</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.823.577.650</b>	<b>70.225.233.501</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.394.499.204</b>	<b>14.706.949.619</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.739.595.484	8.723.804.168
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	84.531.170	1.963.457.898
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.482.041	325.358.747
Phải trả người lao động	314		619.702.607	1.259.525.087
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	809.564.076	480.229.560
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.660.948.836	1.660.948.840
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	468.953.698	291.904.027
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>53.429.078.446</b>	<b>55.518.283.882</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	14.310.819.982	14.739.076.642
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	36.472.258.464	38.133.207.240
Phải trả dài hạn khác	337	19	2.646.000.000	2.646.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(25.403.642.952)</b>	<b>(23.719.182.956)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>(25.403.642.952)</b>	<b>(23.719.182.956)</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(404.457.379.048)	(402.772.919.052)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(402.772.919.052)	(408.811.927.023)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.684.459.996)	6.039.007.971
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>43.419.934.698</b>	<b>46.506.050.545</b>

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán



Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	30.888.288.785	61.652.160.637
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.888.288.785	61.652.160.637
Giá vốn hàng bán	11	22	28.292.441.658	49.524.017.465
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.595.847.127	12.128.143.172
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	97.350.588	139.633.226
Chi phí tài chính	22	24	2.730.000	25.685.745
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.053.415.474	5.256.262.882
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.362.947.759)	6.985.827.771
Thu nhập khác	31	26	1.599.827.328	343.336.761
Chi phí khác	32	27	744.175.071	15.943.213
Lợi nhuận khác	40		855.652.257	327.393.548
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.507.295.502)	7.313.221.319
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	177.164.494	1.274.213.348
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.684.459.996)	6.039.007.971
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(46)	165
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	(46)	165

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán

Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		(1.507.295.502)	7.313.221.319
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.262.123.789	1.344.360.354
Các khoản dự phòng	03		(127.000.000)	(1.954.059.671)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(117.000)	9.179.745
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.410.583.588)	(97.982.673)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>(1.782.872.301)</b>	<b>6.614.719.074</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.510.609.831)	4.004.056.889
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		180.755.902	(772.362.698)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.248.872.523)	(5.161.341.544)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		376.661.086	(32.756.820)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(329.977.822)	(1.110.500.525)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(5.314.915.489)</b>	<b>3.591.814.376</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(848.205.441)	(599.396.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.313.350.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		97.233.588	89.231.245
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>562.378.147</b>	<b>(510.164.755)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(4.752.537.342)</b>	<b>3.081.649.621</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4	<b>5.436.148.958</b>	<b>2.363.679.082</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(9.179.745)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	<b>683.611.616</b>	<b>5.436.148.958</b>

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán

Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700688013 ngày 02/11/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 03/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 365.050.000.000 đồng chia thành 36.050.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 27 tháng 07 năm 2017 với mã chứng khoán là CPI. Từ ngày 28/07/2017 đến nay, Công ty bị hạn chế giao dịch do âm Vốn chủ sở hữu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 33 người (tại ngày 31/12/2022 là 36 người).

**1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải và cho thuê bất động sản.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

#### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Góp vốn liên doanh*

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

#### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
- Tài sản cố định khác	04

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính với thời gian sử dụng từ 03 đến 05 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Là bất động sản, gồm: quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty trong vòng 47 năm.

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.12 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản: thuế nhà đất phải trả và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.14 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu từ cho thuê tài sản hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá.

#### 3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

##### *Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty chỉ tổ chức sản xuất kinh doanh tại một địa điểm cụ thể và cung cấp một loại dịch vụ/ sản phẩm nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy,  
thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	126.249.003	98.097.547
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	557.362.613	1.295.594.882
- Các khoản tương đương tiền	-	4.042.456.529
<b>Cộng</b>	<b>683.611.616</b>	<b>5.436.148.958</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>207.486.790</b>	<b>417.443.358</b>
- Chi phí bảo hiểm	70.418.243	97.722.380
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.957.716	104.415.978
- Chi phí sửa chữa tài sản	52.870.834	123.754.168
- Các khoản khác	49.239.997	91.550.832
<b>b) Dài hạn</b>	<b>145.510.859</b>	<b>312.215.377</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.474.427	139.875.875
- Chi phí sửa chữa tài sản đi thuê	-	49.930.040
- Các khoản khác	88.036.432	122.409.462
<b>Cộng</b>	<b>352.997.649</b>	<b>729.658.735</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá trị	Dự phòng
	VND	sở hữu	hợp lý	VND	VND	sở hữu	hợp lý	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)
+ Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)
<b>Cộng</b>	<b>473.212.674.000</b>	<b>51%</b>		<b>(473.212.674.000)</b>	<b>473.212.674.000</b>	<b>51%</b>		<b>(473.212.674.000)</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu là 51%. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) do lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 của CICT đã vượt quá Vốn chủ sở hữu của công ty này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.015.124.689</b>	<b>(338.523.637)</b>	<b>5.302.890.653</b>	<b>(465.523.637)</b>
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	1.949.475.000	-	274.680.072	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	3.729.005.586	-	2.805.004.356	-
- Công ty TNHH Vôi Hạ Long Quảng Ninh	517.370.001	-	762.813.264	-
- Phải thu khách hàng khác	1.819.274.102	(338.523.637)	1.460.392.961	(465.523.637)
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.015.124.689</b>	<b>(338.523.637)</b>	<b>5.302.890.653</b>	<b>(465.523.637)</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.255.302.167</b>	<b>(1.816.239.681)</b>	<b>2.614.469.663</b>	<b>(1.816.239.600)</b>
- Tạm ứng	358.228.246	-	228.673.000	-
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	43.340.500	-
- Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ từ năm 2017, 2018 (*)	-	-	371.914.000	-
- Nợ phải thu chờ xử lý (**)	1.816.239.681	(1.816.239.681)	1.816.239.681	(1.816.239.600)
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	10.832.682	-
- Phải thu khác	77.834.240	-	143.469.800	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.680.400.000</b>	<b>-</b>	<b>3.680.400.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	3.680.400.000	-	3.680.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.935.702.167</b>	<b>(1.816.239.681)</b>	<b>6.294.869.663</b>	<b>(1.816.239.600)</b>

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.

(\*) Khoản thuế chưa đủ điều kiện khấu trừ được xử lý theo Báo cáo thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị số 164/BC-CPI ngày 26/12/2023.

(\*\*) Nợ phải thu chờ xử lý là khoản công nợ phải thu còn lại được Công ty phân loại từ khoản phải thu khách hàng sau khi Công ty và Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) ký Thỏa thuận ngày 11/07/2022 giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp giữa hai bên liên quan đến dịch vụ vận chuyển sà lan từ Cảng Cái Lân đi Hải Phòng theo hợp đồng số CICT.HDKT/2018.01/CPI ngày 01/01/2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>						
- Công ty cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	170.810.966	-	(170.810.966)	170.810.966	-	(170.810.966)
- Công cổ TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	70.408.525	-	(70.408.525)	70.408.525	-	(70.408.525)
- Công ty cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	74.163.817	-	(74.163.817)	74.163.817	-	(74.163.817)
- Nợ phải thu chờ xử lý (*)	1.816.239.600	-	(1.816.239.600)	1.816.239.600	-	(1.816.239.600)
- Công ty TNHH Chế biến lâm sản dăm gỗ VINA	23.140.329	-	(23.140.329)	23.140.329	-	(23.140.329)
- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cửu Long	-	-	-	127.000.000	-	(127.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>2.154.763.237</b>	<b>-</b>	<b>(2.154.763.237)</b>	<b>2.281.763.237</b>	<b>-</b>	<b>(2.281.763.237)</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.759.734	-	85.958.606	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.909.091	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	955.676.730	-	1.165.324.669	-
<b>Cộng</b>	<b>1.072.436.464</b>	<b>-</b>	<b>1.253.192.366</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	608.800.000	16.965.846.223	212.276.000	1.054.724.000	18.841.646.223
- Mua trong năm	-	848.205.441	-	-	848.205.441
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.842.371.961)	-	-	(4.842.371.961)
31/12/2023	608.800.000	12.971.679.703	212.276.000	1.054.724.000	14.847.479.703
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	(433.983.689)	(15.917.469.996)	(212.276.000)	(618.175.722)	(17.181.905.407)
- Khấu hao trong năm	(50.591.689)	(250.729.226)	-	(160.874.558)	(462.195.473)
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.842.371.961	-	-	4.842.371.961
31/12/2023	(484.575.378)	(11.325.827.261)	(212.276.000)	(779.050.280)	(12.801.728.919)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	174.816.311	1.048.376.227	-	436.548.278	1.659.740.816
31/12/2023	124.224.622	1.645.852.442	-	275.673.720	2.045.750.784

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 11.818.830.626 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 14.633.511.315 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	269.996.000	269.996.000
31/12/2023	269.996.000	269.996.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2023	(92.248.340)	(92.248.340)
- Khấu hao trong năm	(24.802.008)	(24.802.008)
31/12/2023	(117.050.348)	(117.050.348)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	<u>177.747.660</u>	<u>177.747.660</u>
31/12/2023	<u>152.945.652</u>	<u>152.945.652</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 71.580.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 71.580.000 đồng).

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Cơ sở hạ tầng <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2023	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
31/12/2023	<u>33.623.389.808</u>	<u>2.807.546.980</u>	<u>36.430.936.788</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2023	(7.869.303.997)	(657.085.460)	(8.526.389.457)
- Khấu hao trong năm	(715.391.268)	(59.735.040)	(775.126.308)
31/12/2023	<u>(8.584.695.265)</u>	<u>(716.820.500)</u>	<u>(9.301.515.765)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2023	<u>25.754.085.811</u>	<u>2.150.461.520</u>	<u>27.904.547.331</u>
31/12/2023	<u>25.038.694.543</u>	<u>2.090.726.480</u>	<u>27.129.421.023</u>

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư:**

Toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên đất của khu đất có diện tích 2,3 hecta tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE326903 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2011. Thời hạn sử dụng đến ngày 31/08/2061.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.739.595.484</b>	<b>11.739.595.484</b>	<b>8.723.804.168</b>	<b>8.723.804.168</b>
- Ban quản lý dự án Hàng hải 2	4.000.000.000	4.000.000.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	1.616.239.600	1.616.239.600	1.616.239.600	1.616.239.600
- Công ty Cổ phần Xây dựng du lịch và Thương mại Thẩm Gia	3.342.400.000	3.342.400.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	2.780.955.884	2.780.955.884	442.231.568	442.231.568
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.739.595.484</b>	<b>11.739.595.484</b>	<b>8.723.804.168</b>	<b>8.723.804.168</b>

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>84.531.170</b>	<b>84.531.170</b>	<b>1.963.457.898</b>	<b>1.963.457.898</b>
- Công ty TNHH Vinh Hưng	-	-	1.432.526.728	1.432.526.728
- Công ty TNHH Hào Hưng Long An	84.331.170	84.331.170	84.331.170	84.331.170
- Công ty cổ phần Công nghiệp và Phát triển rừng	-	-	446.600.000	446.600.000
- Đối tượng khác	200.000	200.000	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>84.531.170</b>	<b>84.531.170</b>	<b>1.963.457.898</b>	<b>1.963.457.898</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	604.670.155	604.670.155	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.854.599	177.164.494	329.977.822	2.041.271
- Thuế thu nhập cá nhân	170.504.148	223.210.454	386.273.832	7.440.770
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	107.333.340	107.333.340	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	71.945.756	71.945.756	-
<b>Cộng</b>	<b>325.358.747</b>	<b>1.187.324.199</b>	<b>1.503.200.905</b>	<b>9.482.041</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>809.564.076</b>	<b>480.229.560</b>
- Thuế nhà đất phải trả (*)	428.256.660	428.256.660
- Các khoản trích trước khác	381.307.416	51.972.900
<b>b) Dài hạn</b>	<b>14.310.819.982</b>	<b>14.739.076.642</b>
- Thuế nhà đất phải trả (*)	14.310.819.982	14.739.076.642
<b>Cộng</b>	<b>15.120.384.058</b>	<b>15.219.306.202</b>

(\*) Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích đất được giao là 155.684,4 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH893370 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/07/2008. Thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này.

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.660.948.836</b>	<b>1.660.948.840</b>
- Doanh thu từ cho thuê mặt bằng 2,3 ha	1.660.948.836	1.660.948.840
<b>b) Dài hạn</b>	<b>36.472.258.464</b>	<b>38.133.207.240</b>
- Doanh thu từ cho thuê mặt bằng 2,3 ha	36.472.258.464	38.133.207.240
<b>Cộng</b>	<b>38.133.207.300</b>	<b>39.794.156.080</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>468.953.698</b>	<b>291.904.027</b>
- Kinh phí công đoàn	29.320.120	55.175.425
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.625.000	139.625.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	300.008.578	97.103.602
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.646.000.000</b>	<b>2.646.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.646.000.000	2.646.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.114.953.698</b>	<b>2.937.904.027</b>

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.811.927.023)	(29.758.190.927)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	6.039.007.971	6.039.007.971
31/12/2022	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(402.772.919.052)	(23.719.182.956)
01/01/2023	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(402.772.919.052)	(23.719.182.956)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(1.684.459.996)	(1.684.459.996)
31/12/2023	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(404.457.379.048)	(25.403.642.952)

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	206.550.000.000	56,58%	206.550.000.000	56,58%
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	8,14%	29.709.990.000	8,14%
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	4,93%	18.000.000.000	4,93%
- Vốn góp của các đối tượng khác	110.790.010.000	30,35%	110.790.010.000	30,35%
<b>Cộng</b>	<b>365.050.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>365.050.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy,  
thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp cuối năm	365.050.000.000	365.050.000.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**20.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**20.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu dịch vụ và hàng hải	29.227.340.005	59.991.211.857
- Doanh thu cho thuê bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780
<b>Cộng</b>	<b>30.888.288.785</b>	<b>61.652.160.637</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn của dịch vụ và hàng hải	27.517.315.350	48.748.891.157
- Giá vốn cho thuê bất động sản	775.126.308	775.126.308
<b>Cộng</b>	<b>28.292.441.658</b>	<b>49.524.017.465</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	97.233.588	97.982.673
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	41.650.553
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	117.000	-
<b>Cộng</b>	<b>97.350.588</b>	<b>139.633.226</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.730.000	16.506.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	9.179.745
<b>Cộng</b>	<b>2.730.000</b>	<b>25.685.745</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>5.053.415.474</i>	<i>5.256.262.882</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.612.815.185	3.758.958.380
- Chi phí vật liệu quản lý	125.572.687	122.376.910
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	165.625.318	127.042.110
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	(127.000.000)	(1.954.059.671)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.415.810	1.057.687.763
- Chi phí bằng tiền khác	1.312.986.474	2.141.257.390
<b>Cộng</b>	<b>5.053.415.474</b>	<b>5.256.262.882</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.241.329.058	-
- Chênh lệch hạch toán thuế đất phi nông nghiệp	334.846.020	334.846.020
- Các khoản khác	23.652.250	8.490.741
<b>Cộng</b>	<b>1.599.827.328</b>	<b>343.336.761</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	332.000.000	-
- Các khoản bị phạt	21.845.756	5.943.181
- Các khoản chi phí khác	390.329.315	10.000.032
<b>Cộng</b>	<b>744.175.071</b>	<b>15.943.213</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.915.728.095	6.198.622.120
- Chi phí nhân công	7.132.044.984	13.230.536.710
- Khấu hao tài sản cố định	1.262.123.789	1.344.360.354
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(127.000.000)	(1.954.059.671)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.664.826.412	34.255.241.180
- Chi phí bằng tiền khác	1.326.395.004	2.410.775.723
<b>Cộng</b>	<b>33.174.118.284</b>	<b>55.485.476.416</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.507.295.502)</b>	<b>7.313.221.319</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>571.759.788</b>	<b>439.943.819</b>
- Các khoản chi phí không hợp lệ	571.759.788	430.764.074
- Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	9.179.745
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(147.000)</b>	<b>(1.382.098.402)</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	(147.000)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(1.382.098.402)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(935.682.714)</b>	<b>6.371.066.736</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(1.821.505.186)	5.485.244.264
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	885.822.472	885.822.472
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>177.164.494</b>	<b>1.274.213.348</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>177.164.494</b>	<b>1.274.213.348</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.684.459.996)	6.039.007.971
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	36.505.000	36.505.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(46)</b>	<b>165</b>

**31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại trong năm 2023 như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dịch vụ và hàng hải</b>	<b>Cho thuê Bất động sản</b>	<b>Tổng cộng toàn Công ty</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.227.340.005	1.660.948.780	30.888.288.785
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(3.248.770.231)</b>	<b>885.822.472</b>	<b>(2.362.947.759)</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận trực tiếp	15.486.640.017	27.129.421.023	42.616.061.040
Tài sản không phân bổ			803.873.658
<b>Tổng tài sản</b>	<b>15.486.640.017</b>	<b>27.129.421.023</b>	<b>43.419.934.698</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11.824.126.654	38.133.207.300	49.957.333.954
Nợ phải trả không phân bổ			18.866.243.696
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.824.126.654</b>	<b>38.133.207.300</b>	<b>68.823.577.650</b>

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<b>Công ty</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là phó Tổng Giám đốc Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm gia Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	Ông Thẩm Hồng Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc Công ty này

Trong năm, các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy,  
thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**MÃ SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Thu nhập của nhân sự chủ chốt:*

	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Thù lao, tiền lương thành viên HĐQT</b>		<b>1.161.111.135</b>	<b>3.075.395.189</b>
Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/06/2023)	30.000.000	50.400.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/06/2023)	30.000.000	-
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT (từ 01/01/2023 đến 24/06/2023) Thành viên HĐQT (từ 24/06/2023 đến nay)	352.180.000	470.692.522
Ông Thảm Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	36.000.000	28.800.000
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/06/2023)	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	-	9.600.000
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/06/2023)	18.000.000	19.200.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	36.000.000	19.200.000
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc	400.110.681	1.985.443.410
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	240.820.454	492.059.257
<b>Thù lao, tiền lương thành viên BKS</b>		<b>102.000.000</b>	<b>76.800.000</b>
<b>Cộng</b>		<b>1.263.111.135</b>	<b>3.152.195.189</b>

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>13.561.202.943</b>	<b>28.272.986.894</b>
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	815.369.670	631.462.164
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.204.217.730	11.865.795.536
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	766.946.943	9.122.196.374
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Vosa Quảng Ninh	2.668.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thảm Gia	9.772.000.000	6.653.532.820
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.193.880.285</b>	<b>25.199.536.390</b>
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.163.780.285	23.315.995.445
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	1.296.097.945
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	30.100.000	505.010.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	82.433.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.949.475.000</b>	<b>274.680.072</b>
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân	1.949.475.000	274.680.072
<b>Phải thu khác</b>	<b>5.496.639.681</b>	<b>5.868.553.681</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	30.000.000
- Ông Đỗ Tuấn Hiền	-	40.585.973
- Ông Nguyễn Bá Sơn	-	60.196.787
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	-	371.914.000
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân	1.816.239.681	1.816.239.681
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	3.680.400.000	3.680.400.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.679.629.161</b>	<b>1.616.239.600</b>
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân	275.686.818	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	621.461.106	-
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	1.616.239.600	1.616.239.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	3.342.400.000	-
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP	823.841.637	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>53.771.125</b>	<b>2.687.000</b>
- Ông Đỗ Tuấn Hiền	13.041.364	1.312.000
- Ông Nguyễn Bá Sơn	38.777.261	-
- Ông Phạm Văn Toàn	1.952.500	1.375.000
<b>Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>38.133.207.300</b>	<b>39.794.156.080</b>
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân	38.133.207.300	39.794.156.080

**33.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại thời điểm 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 4.700.336.164 đồng, đồng thời lỗ lũy kế là âm 404.457.379.048 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 25.403.642.952 đồng (tại ngày 01/01/2023, Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 1.935.550.258 đồng, lỗ lũy kế âm 402.772.919.052 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 23.719.182.956 đồng), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 5.314.915.489 đồng. Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân (CICT) với số tiền là 473.212.674.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường, do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã được kiểm toán.

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán



Đỗ Vũ Linh

Phòng Giám đốc



Phạm Văn Toàn

